

CHÍNH PHỦ  
Số: 154/2005/NĐ-CP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc  
Hà Nội, ngày 15 tháng 12 năm 2005

## NGHỊ ĐỊNH

***Quy định chi tiết một số điều của Luật Hải quan  
về thủ tục hải quan, kiểm tra, giám sát hải quan***

## CHÍNH PHỦ

*Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 25 tháng 12 năm 2001;*

*Căn cứ Luật Hải quan số 29/2001/QH10 ngày 29 tháng 06 năm 2001 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Hải quan số 42/2005/QH11 ngày 14 tháng 06 năm 2005;*

*Xét đề nghị của Bộ trưởng Bộ Tài chính,*

## NGHỊ ĐỊNH:

### Chương I

### QUY ĐỊNH CHUNG

#### **Điều 1. Phạm vi điều chỉnh**

1. Nghị định này quy định chi tiết một số điều của Luật Hải quan số 29/2001/QH10 ngày 29 tháng 6 năm 2001, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Hải quan số 42/2005/QH11 ngày 14 tháng 06 năm 2005 (gọi chung là Luật Hải quan) về thủ tục hải quan, kiểm tra, giám sát hải quan.

Thủ tục hải quan điện tử, thủ tục hải quan đối với hành lý, quà biếu thực hiện theo quy định riêng.

2. Trường hợp Điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên có quy định khác với Nghị định này thì thực hiện theo quy định tại Điều ước quốc tế đó.

## **Điều 2. Đối tượng phải làm thủ tục hải quan, chịu sự kiểm tra, giám sát hải quan**

1. Hàng hoá xuất khẩu, nhập khẩu, quá cảnh; vật dụng trên phương tiện vận tải xuất cảnh, nhập cảnh, quá cảnh; ngoại hối, tiền Việt Nam, kim khí quý, đá quý, văn hoá phẩm, di vật, bưu phẩm, bưu kiện xuất khẩu, nhập khẩu; hành lý của người xuất cảnh, nhập cảnh; các vật phẩm khác xuất khẩu, nhập khẩu, quá cảnh hoặc lưu giữ trong địa bàn hoạt động của cơ quan hải quan.

2. Phương tiện vận tải đường bộ, đường sắt, đường hàng không, đường biển, đường sông xuất cảnh, nhập cảnh, quá cảnh, chuyển cảng.

3. Hồ sơ hải quan và các chứng từ liên quan đến đối tượng quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều này.

## **Điều 3. Nguyên tắc tiến hành thủ tục hải quan, kiểm tra, giám sát hải quan**

1. Nguyên tắc tiến hành thủ tục hải quan, giám sát hải quan thực hiện theo quy định tại Điều 15 Luật Hải quan.

2. Nguyên tắc kiểm tra hải quan:

a) Kiểm tra hải quan được thực hiện trong quá trình làm thủ tục hải quan và sau thông quan;

b) Kiểm tra hải quan được giới hạn ở mức độ phù hợp kết quả phân tích thông tin, đánh giá việc chấp hành pháp luật của chủ hàng, mức độ rủi ro về vi phạm pháp luật hải quan;

c) Thủ trưởng cơ quan hải quan nơi tiếp nhận hồ sơ hải quan quyết định hình thức, mức độ kiểm tra hải quan.

## **Điều 4. Địa điểm làm thủ tục hải quan**

1. Địa điểm làm thủ tục hải quan gồm:

a) Trụ sở Chi cục hải quan cửa khẩu: cảng biển quốc tế, cảng sông quốc tế, cảng hàng không dân dụng quốc tế, ga đường sắt liên vận quốc tế, bưu điện quốc tế, cửa khẩu biên giới đường bộ;

b) Trụ sở Chi cục hải quan ngoài cửa khẩu: địa điểm làm thủ tục hải quan cảng nội địa, địa điểm làm thủ tục hải quan ngoài cửa khẩu.

2. Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy hoạch và công bố hệ thống cảng nội địa.

Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định điều kiện và quyết định thành lập địa điểm làm thủ tục hải quan quy định tại điểm b khoản 1 Điều này.

#### **Điều 5. Người khai hải quan**

1. Chủ hàng hoá xuất khẩu, nhập khẩu.
2. Tổ chức được chủ hàng hoá xuất khẩu, nhập khẩu uỷ thác.
3. Người được uỷ quyền hợp pháp (áp dụng trong trường hợp hàng hoá, vật phẩm xuất khẩu, nhập khẩu không nhằm mục đích thương mại).
4. Người điều khiển phương tiện vận tải xuất cảnh, nhập cảnh.
5. Đại lý làm thủ tục hải quan.
6. Doanh nghiệp cung cấp dịch vụ bưu chính, dịch vụ chuyển phát nhanh quốc tế.

#### **Điều 6. Ưu tiên làm thủ tục hải quan đối với chủ hàng chấp hành tốt pháp luật về hải quan**

1. Chủ hàng chấp hành tốt pháp luật về hải quan là chủ hàng có hoạt động xuất khẩu, nhập khẩu đáp ứng các điều kiện: không buôn lậu; không trốn thuế; không nợ thuế quá hạn; thực hiện chế độ báo cáo tài chính theo quy định của pháp luật.

Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định cụ thể khoản này.

2. Nội dung ưu tiên:

- a) Được đăng ký, kiểm tra hồ sơ hải quan theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 28 Luật Hải quan;
- b) Được miễn kiểm tra thực tế hàng hoá.

### **Chương II**

## **THỦ TỤC HẢI QUAN, KIỂM TRA, GIÁM SÁT HẢI QUAN ĐỐI VỚI CÁC LOẠI HÌNH XUẤT KHẨU, NHẬP KHẨU HÀNG HOÁ**

### **Mục 1**

## **HÀNG HOÁ XUẤT KHẨU, NHẬP KHẨU THƯƠNG MẠI**

#### **Điều 7. Hồ sơ hải quan**

Khi làm thủ tục hải quan, người khai hải quan phải nộp các giấy tờ sau:

1. Đối với hàng hoá xuất khẩu:

- a) Tờ khai hải quan hàng hóa xuất khẩu (bản chính); bản kê chi tiết hàng hóa đối với hàng có nhiều chủng loại hoặc hàng đóng gói không đồng nhất (bản chính);
- b) Giấy phép của cơ quan nhà nước có thẩm quyền đối với hàng hóa phải có giấy phép xuất khẩu theo quy định của pháp luật (bản chính); chứng từ khác theo quy định của pháp luật đối với từng mặt hàng cụ thể (bản sao);
- c) Hợp đồng mua bán hàng hoá hoặc các giấy tờ có giá trị pháp lý tương đương hợp đồng (bản sao).

2. Đối với hàng hoá nhập khẩu:

- a) Tờ khai hải quan hàng hoá nhập khẩu (bản chính); tờ khai trị giá hàng nhập khẩu (tùy theo từng trường hợp); bản kê chi tiết hàng hóa đối với lô hàng có nhiều chủng loại hoặc đóng gói không đồng nhất (bản chính);
- b) Giấy phép của cơ quan nhà nước có thẩm quyền đối với hàng hóa phải có giấy phép nhập khẩu theo quy định của pháp luật (bản chính); chứng từ khác theo quy định của pháp luật đối với từng mặt hàng cụ thể;
- c) Hợp đồng mua bán hàng hóa hoặc giấy tờ có giá trị pháp lý tương đương hợp đồng (bản sao); hóa đơn thương mại (bản chính); vận tải đơn (bản copy chính);
- d) Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hóa (bản chính);
- đ) Giấy đăng ký kiểm tra nhà nước về chất lượng hàng hóa hoặc Giấy thông báo miễn kiểm tra nhà nước về chất lượng do cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền cấp đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu thuộc diện phải kiểm tra nhà nước về chất lượng (bản chính).

3. Các giấy tờ là bản sao quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều này do người đứng đầu thương nhân hoặc người được người đứng đầu thương nhân uỷ quyền xác nhận, ký tên, đóng dấu và chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính hợp pháp của các giấy tờ này.

4. Cơ quan hải quan phải có văn bản khi yêu cầu người khai hải quan nộp, xuất trình các chứng từ ngoài quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều này.

## **Điều 8. Khai hải quan**

1. Việc khai hải quan được thực hiện trên mẫu tờ khai hải quan do Bộ Tài chính quy định.
2. Người khai hải quan khai đầy đủ, chính xác, rõ ràng về tên và mã số hàng hoá, đơn vị tính, số lượng, trọng lượng, chất lượng, xuất xứ, đơn giá, trị giá hải quan, các loại thuế suất và các tiêu chí khác quy định tại tờ khai hải quan; tự tính để xác định số thuế, các khoản thu khác phải nộp ngân sách nhà nước và chịu trách nhiệm trước pháp luật về các nội dung đã khai.

## **Điều 9. Đăng ký tờ khai hải quan**

1. Thời hạn đăng ký tờ khai hải quan
  - a) Thời hạn đăng ký tờ khai hải quan đối với hàng hoá xuất khẩu, nhập khẩu được thực hiện theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 18 Luật Hải quan;
  - b) Đối với hàng hoá xuất khẩu qua cửa khẩu đường sông quốc tế, đường bộ, đường hàng không, bưu điện quốc tế, thời gian đăng ký tờ khai hải quan chậm nhất là 02 giờ trước khi hàng hoá được xuất khẩu qua biên giới;
  - c) Người khai hải quan được đăng ký tờ khai hải quan đối với hàng hoá nhập khẩu trước khi hàng hoá đến cửa khẩu dỡ hàng quy định tại khoản 1 Điều 18 Luật Hải quan;
  - d) Trường hợp không chấp nhận đăng ký tờ khai hải quan, cơ quan hải quan thông báo lý do bằng văn bản cho người khai hải quan biết.
2. Trường hợp có lý do chính đáng, Chi cục trưởng Hải quan quyết định gia hạn thời gian nộp bản chính một số chứng từ kèm theo tờ khai hải quan (trừ giấy phép xuất khẩu, nhập khẩu đối với hàng hóa phải có giấy phép xuất khẩu, nhập khẩu) trong thời hạn không quá 30 (ba mươi) ngày, kể từ ngày đăng ký tờ khai hải quan.
3. Trước thời điểm kiểm tra thực tế hàng hoá hoặc quyết định miễn kiểm tra thực tế hàng hoá, nếu người khai hải quan có lý do chính đáng, có văn bản đề nghị và được Chi cục trưởng Hải quan chấp nhận thì được bổ sung, sửa chữa tờ khai hải quan đã đăng ký; trường hợp thay đổi loại hình xuất khẩu, nhập khẩu thì được thay tờ khai hải quan khác.